

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**THỊ XÃ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 103/2020/HS-ST

Ngày 09-6-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Lượng;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung– Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trọng- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự thụ lý số 107/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Ngô Thị Kim H, sinh năm 1987 tại H; hộ khẩu thường trú: xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn V, sinh năm 1960 và bà Ngô Thị Kim O, sinh năm 1960; có chồng tên Nguyễn Tri P, sinh năm 1976; con Nguyễn Quốc T1, sinh năm 2010 và Nguyễn Quốc Đ, sinh năm 2014; tiền án: không, tiền sự: ngày 26-9-2019, bị C an thị trấn L, huyện B ra Quyết định xử phạt hành chính số 171/QĐ-XPHC với số tiền 1.500.000 đồng, bị cáo đóng phạt vào ngày 22-10-2019; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09-01-2020 đến ngày 18-01-2020; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1987; Hộ khẩu thường trú: Ấp An Lợi, xã An Lạc Tây, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng; tạm trú: ấp (nay là khu phố) 3, xã (nay là phường) HN, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2. Bà L2 Thị L, sinh năm 1981; Hộ khẩu thường trú: xã Ninh Thạnh Lợi, huyện H, tỉnh Bạc Liêu; Tạm trú: ấp (nay là khu phố) 1, xã (nay là phường) H, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3. Bà Trần Thị Cẩm O, sinh năm 1976; Hộ khẩu thường trú: xã Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước; Tạm trú: ấp (nay là khu phố) 3, xã (nay là phường) HN, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

4. Bà Trần Thị Lệ H1, sinh năm 1968; Hộ khẩu thường trú: ấp (nay là khu phố) 1, xã (nay là phường) HN, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Ông Nguyễn Quân C, sinh năm 1990; địa chỉ: Xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2. Bà Huỳnh Thị Xuân L1, sinh năm 1984; địa chỉ: Xã Vĩnh Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà L2 Thị L2, sinh năm 1989. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1967. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngô Thị Kim H có một tiền sự về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác. Để có tiền tiêu xài nên khoảng 06 giờ ngày 07/01/2020, Ngô Thị Kim H nảy sinh ý định đi gặp những người buôn bán tạp hóa, bán rau, củ, quả và trái cây ở chợ rồi nói mình là nhân viên các quán ăn và quán Karaoke để nhằm mục đích giả vờ đặt đơn mua hàng và mượn tiền rồi chiếm đoạt.

Khoảng 07 giờ ngày 07/01/2020, H điều khiển xe mô tô biển số 61B1-076.34 đi từ nhà thuộc xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước đến địa bàn xã (nay là phường) HN, thị xã T, tỉnh Bình Dương, khi đi qua khu vực chợ tự phát thuộc ấp (nay là khu phố) 3, xã (nay là phường) HN, thị xã T, tỉnh Bình Dương, thì H điều khiển xe đi đến chỗ bán rau của bà Nguyễn Thị M, tại đây H bảo bà M, H là nhân viên của quán dê Ninh Bình thuộc ấp (nay là khu phố) 2, xã (nay là phường) HN và đưa cho bà M 01 tờ giấy ghi: (3 kg xà lách son, 5 bịch mắm tuyết, 3 kg cải thảo, 3 kg bông cải trắng, 1 kg ớt chuông, 1 kg cần tàu, 3 kg ngó sen, 2 kg cà rốt, 0,5 rau răm, 0,5 ớt sừng không cái, 3 kg chanh, 3 kg củ hành tây, 1 bó hành, 1 kg tỏi củ, 3 kg hủ H, 0,5 rau tía tô, 0,5 ớt hiểm) rồi bảo bà M giao hàng đến quán dê Ninh Bình, H sẽ trả tiền, bà M đồng ý và bảo H là một lúc sau sẽ mang đến quán dê Ninh Bình giao cho H, sau đó H bỏ đi. Khoảng 10 phút sau, H quay lại và nói bà M là đã mua đồ hết tiền nên muốn mượn của bà M số tiền 200.000 đồng, khi nào giao hàng sẽ trả, bà M đồng ý và đưa cho H số tiền 200.000 đồng. H tiếp tục đi đến cửa hàng trái cây của bà Trần Thị Lệ H, H

bảo bà Lê H, H là nhân viên quán karaoke Quế Trân thuộc ấp (nay là khu phố) 1, xã (nay là phường) HN, thị xã T, tỉnh Bình Dương. H muốn mua 850.000 đồng gồm (10 kg dưa hấu, 10 kg bưởi, 10 kg quýt), bà Lê H đồng ý, lúc này H bảo bà Lê H cho H mượn số tiền 100.000 đồng, khi nào bà Lê H giao hàng thì H sẽ trả, bà Lê H nghĩ H là nhân viên của quán Quế Trân nên đồng ý và đưa cho H số tiền 100.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt số tiền của bà M và bà Lê H, H tiếp tục điều khiển xe 61B1- 076.34 đi đến chợ HN, thuộc ấp (nay là khu phố) 1, xã (nay là phường) HN, thị xã T, tỉnh Bình Dương, khi đến chợ HN H đi đến quán tạp hóa của bà L2 Thị L, H bảo bà L, H là nhân viên của quán karaoke Quế Trân, H muốn đặt đơn hàng gồm: 600.000 đồng mít, 10 kg muối; 10 kg mắm ruốc, 10 kg xoài gọt sẵn rồi bảo bà L giao hàng đến quán karaoke Quế Trân khi đó H sẽ trả tiền, bà L đồng ý rồi bảo H là một lúc sau sẽ mang đủ số lượng hàng trên đến quán karaoke Quế Trân, sau đó H bỏ đi, khoảng 15 phút sau, H quay lại và nói bà L là đã mua đồ hết tiền nên muốn mượn của bà L số tiền 200.000 đồng, khi nào giao hàng sẽ trả, bà L đồng ý và đưa cho H số tiền 200.000 đồng. Khi chiếm đoạt được số tiền 200.000 đồng của bà L, H tiếp tục đi đến cửa hàng bán trái cây của bà Trần Thị Cẩm O, H bảo bà O, H là nhân viên quán karaoke Quế Trân, H muốn mua: 10 kg mận, 10 kg sapuche, 10 kg quýt, bà O đồng ý, lúc này H bảo bà O cho H mượn số tiền 200.000 đồng, khi nào bà O giao hàng thì H sẽ trả, bà O nghĩ H là nhân viên của quán Quế Trân nên đồng ý và đưa cho H số tiền 200.000 đồng.

Sau khi phát hiện H đã đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tiền, ngày 08/01/2020, bà M, L, O và Lê H đến C an phường HN, thị xã T trình báo vụ việc. C an phường HN, thị xã T, tỉnh Bình Dương mời H đến trụ sở để làm việc. Tại đây, H đã thừa nhận toàn bộ hành vi đưa ra thông tin gian dối chiếm đoạt của bà M số tiền 200.000 đồng, bà Lê H số tiền 100.000 đồng, bà L số tiền 200.000 đồng, bà O số tiền 200.000 đồng.

C an xã (nay là phường) HN tiến hành tạm giữ: 01 xe mô tô biển số 61B1 – 076.34, 01 Giấy chứng minh nhân dân tên Ngô Thị Kim H, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe 61B1 – 076.34, 01 Giấy bán xe cửa hàng xe máy Xuân L1.

Sau đó, C an xã (nay là phường) HN chuyển toàn bộ hồ sơ cùng vật chứng đến cơ quan Cảnh sát điều tra C an thị xã T để thụ lý theo thẩm quyền.

Xe mô tô biển số 61B1 – 076.34 do ông Nguyễn Quân C (sinh năm 1990, HKTT: xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương) đứng tên đăng ký chủ sở hữu. Ông C khai nhận xe 61B1 – 076.34 ông đã bán cho cửa hàng mua bán xe máy (không rõ địa chỉ) vào năm 2018. H khai nhận xe 61B1 – 076.34 H mua tại cửa hàng mua bán xe máy thuộc xã Vĩnh Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương do bà Huỳnh Thị Xuân L1 (sinh năm 1984, HKTT: xã Vĩnh Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương) làm chủ. Bà L1 khai nhận: xe 61B1 – 076.34 bà

mua của 01 người đàn ông (không rõ nhân thân) vào năm 2018 rồi bán xe 61B1 – 076.34 cho H với số tiền là 9.500.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bà M yêu cầu H bồi thường số tiền 200.000 đồng, bà L yêu cầu H bồi thường số tiền 200.000 đồng, bà O yêu cầu H bồi thường số tiền 200.000 đồng, bà Lê H yêu cầu H bồi thường số tiền 100.000 đồng nhưng H chưa bồi thường.

Cáo trạng số 114/CT-VKSTU ngày 25-5-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T quyết định truy tố bị cáo Ngô Thị Kim H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Ngô Thị Kim H thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 174 và điểm s khoản 1 Điều 51 và xử phạt bị cáo Ngô Thị Kim H từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị buộc bị cáo Ngô Thị Kim H bồi thường cho: Bà M số tiền 200.000 đồng, bà L số tiền 200.000 đồng, bà O số tiền 200.000 đồng, bà Lê H số tiền 100.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô biển số 61B1-076.34 là phương tiện phạm tội nên tịch thu, sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với Giấy chứng nhận đăng ký xe số 61B1-076.34 giao cho Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương xử lý theo thẩm quyền.

- Đối với Giấy chứng minh nhân dân mang tên Ngô Thị Kim H là giấy tờ tùy thân của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

Bị cáo Ngô Thị H nói lời nói sau cùng: Bị cáo Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có thể chăm sóc con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Bị hại bà Nguyễn Thị M, bà L2 Thị L, bà Trần Thị Cẩm Vân, bà Trần Thị Lệ H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Văn C và bà Huỳnh Thị Xuân L1; người làm chứng bà L2 Thị L1 và ông Nguyễn Văn C vắng mặt nhưng

đã có lời khai trong quá trình điều tra. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Ngô Thị Kim H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 07/01/2020, tại ấp (nay là khu phố) 3, xã (nay là phường) HN, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Ngô Thị Kim H đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị M số tiền 200.000 đồng, bà L2 Thị L số tiền 200.000 đồng, bà Trần Thị Cẩm O số tiền 200.000 đồng, bà Trần Thị Lệ H số tiền 100.000 đồng. Tổng số tiền chiếm đoạt là 700.000 đồng, bị cáo đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã T truy tố bị cáo Ngô Thị Kim H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của C dân. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích mưu lợi cá nhân bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hiện nay, tình hình tội phạm trên địa bàn thị xã T đang diễn ra phức tạp, đặc biệt là tội phạm hình sự xâm phạm đến quyền sở hữu. Do đó, cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo, rèn luyện, phấn đấu trở thành C dân có ích. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xem xét toàn diện tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để có một hình phạt tương xứng nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: không.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Xét yêu cầu bồi thường của các bị hại là phù hợp. Vì vậy, buộc bị cáo Ngô Thị Kim H bồi thường cho: Bà M số tiền 200.000 đồng, bà L số tiền 200.000 đồng, bà O số tiền 200.000 đồng, bà Lệ H số tiền 100.000 đồng.

[7] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô biển số 61B1-076.34 là phương tiện phạm tội nên tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với Giấy chứng nhận đăng ký xe số 61B1-076.34 giao cho Phòng cảnh sát giao thông C an tỉnh Bình Dương xử lý theo thẩm quyền.

- Đối với Giấy chứng minh nhân dân mang tên Ngô Thị Kim H là giấy tờ tùy thân của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

[8] Đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, trách nhiệm dân sự đối với bị cáo và biện pháp xử lý vật chứng là phù hợp. Tuy nhiên, về hình phạt, xét thấy bị cáo Ngô Thị Kim H đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương và đã bị xử lý hành chính, bị cáo không hối lỗi đối với hành vi của mình mà tiếp tục vi phạm pháp luật. Vì vậy, cần có một mức hình phạt nghiêm khắc hơn để răn đe và giáo dục với bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Ngô Thị Kim H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 174 và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Ngô Thị Kim H 01 (Một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 09-01-2020 đến ngày 18-01-2020.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước xe mô tô biển số 61B1-076.34.

- Giao Giấy chứng nhận đăng ký xe số 61B1-076.34 cho Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương xử lý theo thẩm quyền.

- Hoàn trả Giấy chứng minh nhân dân mang tên Ngô Thị Kim H cho bị cáo Ngô Thị Kim H.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương).

Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1, 3 Điều 21; khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Ngô Thị Kim H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; (1)
- Bị hại (4);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (2);
- VKSND thị xã T; (1)
- VKSND tỉnh Bình Dương; (1)
- TAND tỉnh Bình Dương; (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; (1)
- PV06- C an tỉnh Bình Dương; (1)
- Cơ quan CSĐT C an thị xã T; (1)
- Cơ quan THAHS C an thị xã T; (2)

- Lưu: VT, HS. (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Sơn